Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-18 10:51:47 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27/2026/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 8 Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15 về việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài trong trường hợp Việt Nam ban bố tình trạng khẩn cấp và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

2. Việc tiếp nhận, quản lý, điều phối sử dụng các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên viện trợ được quy định tại Quyết định này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính phủ được

chính phủ nước ngoài ủy quyền;

b) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, chính quyền địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ;

c) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

d) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu, nội dung của các khoản viện trợ trong trường hợp Việt Nam ban bố tình trạng khẩn cấp gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế được cấp có thẩm quyền quyết định trong trường hợp Việt Nam ban bố tình trạng khẩn cấp.

3. Đối tượng thụ hưởng viện trợ là các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng trong tình trạng khẩn cấp.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam được cấp có thẩm quyền cho phép tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Viện trợ quốc tế” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

2. “Chủ khoản viện trợ” là các cơ quan, tổ chức được Bên tiếp nhận viện trợ giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý khoản viện trợ.

3. "Đơn vị sử dụng viện trợ" là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ sử dụng các khoản viện trợ.

4. "Quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, hỗ trợ" là văn bản quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tiếp nhận các khoản viện trợ quốc tế để cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp bao gồm những nội dung chính: Tên khoản viện trợ; Bên viện trợ; Bên tiếp nhận viện trợ; Chủ khoản viện trợ; mục tiêu của khoản viện trợ; tổng giá trị viện trợ; phương án phân bổ; trách nhiệm thực hiện.

5. "Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực" là Bộ được giao quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực xảy ra sự cố, thảm họa đến mức phải ban bố tình trạng khẩn cấp theo quy định pháp luật.

6. "Thỏa thuận quốc tế về tiếp nhận khoản viện trợ để cứu trợ, hỗ trợ" là điều ước quốc tế theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc nhân danh các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này, không phải là điều ước quốc tế.

Chương II
TIẾP NHẬN, ĐIỀU PHỐI NGUỒN LỰC CỨU TRỢ, HỖ TRỢ TỪ NƯỚC NGOÀI

Mục 1
TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ, HỖ TRỢ

Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài

1. Việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng; có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan.

2. Không tiếp nhận vũ khí, trang bị, phương tiện, nguồn lực tài trợ bất hợp pháp, những hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, các khoản viện trợ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân hoặc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài phải thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với Bên viện

trợ; bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế, các cam kết quốc tế của Việt Nam, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia.

4. Chỉ điều phối phương án phân bổ (số lượng, địa điểm tiếp nhận, giá trị phân bổ) nhưng không được làm thay đổi mục tiêu của khoản viện trợ cũng như tổng giá trị khoản viện trợ.

5. Đối với các khoản viện trợ quốc tế thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận các nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài

Các hoạt động thuê kho, bến bãi tiếp nhận, vận chuyển và các chi phí liên quan khác, sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các bộ, ngành, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nguồn kinh phí và trách nhiệm bố trí kinh phí phải thể hiện trong quyết định tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Quy trình tiếp nhận nguồn lực để cứu trợ, hỗ trợ

1. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ.

2. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ.

3. Thực hiện tiếp nhận viện trợ để cứu trợ, hỗ trợ.

Điều 7. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ

1. Không quá 01 ngày, tính từ khi tiếp nhận thông tin của Bên viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ giao 01 cơ quan làm Chủ khoản viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên viện trợ để thống nhất các nội dung chính của khoản viện trợ gồm: Hình thức viện trợ, giá trị khoản viện trợ, số lượng và giá trị phân bổ, cách thức và địa điểm tiếp nhận, thời gian thực hiện và các nội dung khác liên quan.

Điều 8. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo, các khoản viện trợ có nội dung nhập khẩu hàng hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ không thuộc quy định tại điểm a khoản này, trong đó, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ chưa xác định Cơ quan chủ quản.

2. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

a) Chủ khoản viện trợ gửi văn bản kèm theo hồ sơ tiếp nhận viện trợ trình Bên tiếp nhận viện trợ;

b) Bên tiếp nhận viện trợ tổ chức lấy ý kiến tham gia của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan bằng văn bản; các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến trong thời gian 01 ngày kể từ khi nhận được văn bản; Bên tiếp nhận viện trợ tiếp thu, giải trình ý kiến, hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tiếp nhận viện trợ khẩn cấp.

3. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ thuộc thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ

a) Chủ khoản viện trợ dự thảo hồ sơ tiếp nhận viện trợ, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan bằng văn bản hoặc hình thức khác; cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến trong thời gian 01 ngày kể từ khi nhận được văn bản; hoàn chỉnh hồ sơ tiếp nhận viện trợ, trình Bên tiếp nhận viện trợ;

b) Thủ trưởng Bên tiếp nhận viện trợ xem xét, phê duyệt hồ sơ. Trường hợp cần thiết, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan trước khi phê duyệt;

c) Thời gian xem xét, phê duyệt quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, hỗ trợ tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày Bên tiếp nhận viện trợ nhận đầy đủ hồ sơ.

4. Hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về việc tiếp nhận viện trợ bao gồm:

a) Dự thảo Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

c) Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận viện trợ bao gồm:

a) Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

c) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến các cơ quan liên quan đến việc tiếp nhận viện trợ;

d) Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thực hiện tiếp nhận viện trợ

1. Sau khi hồ sơ tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thông báo cho Bên viện trợ về quyết định tiếp nhận viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trình Bên tiếp nhận viện trợ ban hành văn bản thông báo tới bộ, ngành, địa phương liên quan để phối hợp triển khai tiếp nhận viện trợ;

c) Đối với các khoản viện trợ bằng hàng hóa: Chủ khoản viện trợ thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và các thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa theo quy định của pháp luật;

d) Đối với các khoản viện trợ để cứu trợ, hỗ trợ bằng tiền: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tiếp nhận viện trợ (đối với trường hợp chưa có tài khoản tiếp nhận viện trợ) hoặc thông báo tài khoản với Bên viện trợ (đối với trường hợp đã có tài khoản tiếp nhận viện trợ) để tiếp nhận tiền cứu trợ, hỗ trợ. Khoản viện trợ bằng ngoại tệ phải chuyển vào tài khoản ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được cấp phép hoặc bán cho tổ chức tín dụng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ Quyết định tiếp nhận viện trợ, Chủ khoản viện trợ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành tiếp nhận và thực hiện viện trợ.

Mục 2
ĐIỀU PHỐI NGUỒN LỰC CỨU TRỢ, HỖ TRỢ TỪ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Tiếp nhận, điều phối lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp về thảm họa tại Việt Nam

1. Bộ trưởng các bộ theo phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công chủ trì tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ

chỉ đạo việc tiếp nhận điều phối lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại Việt Nam.

2. Việc chấp thuận cho lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 95/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về quy định cấp phép và phối hợp hoạt động với lực lượng tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 11. Ký kết điều ước quốc tế giữa phía Việt Nam với các đối tác viện trợ nước ngoài để tiếp nhận khoản viện trợ

Trường hợp Bên viện trợ yêu cầu ký điều ước quốc tế về khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để cứu trợ, hỗ trợ, ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp về thảm họa tại Việt Nam; trình tự, thủ tục ký kết sửa đổi, bổ sung, gia hạn thực hiện theo quy định pháp luật về Điều ước quốc tế.

Điều 12. Ký kết thỏa thuận quốc tế giữa phía Việt Nam với các đối tác viện trợ nước ngoài để tiếp nhận khoản viện trợ

1. Trường hợp Bên viện trợ yêu cầu ký thỏa thuận quốc tế nhân danh Chính phủ về khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để cứu trợ, hỗ trợ, ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp về thảm họa tại Việt Nam; trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn như sau:

a) Bên tiếp nhận viện trợ xây dựng dự thảo thỏa thuận, trao đổi với Bên viện trợ, đồng thời lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về dự thảo thỏa thuận; các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết;

b) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền thực hiện ký thỏa thuận với Bên viện trợ;

c) Hồ sơ đề nghị lấy ý kiến gồm: Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; dự thảo thỏa thuận; văn bản của Bên viện trợ thông báo, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo); các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ (nếu có).

2. Trường hợp Bên viện trợ yêu cầu ký thỏa thuận quốc tế nhân danh các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này về khoản viện trợ không

hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ, trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế như sau:

a) Bên tiếp nhận viện trợ xây dựng dự thảo thỏa thuận, trao đổi với Bên viện trợ, đồng thời lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về dự thảo thỏa thuận; các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và phân công người ký kết;

b) Hồ sơ đề nghị lấy ý kiến gồm: Dự thảo thỏa thuận; văn bản của Bên viện trợ thông báo, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo); các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ (nếu có).

Điều 13. Mở tài khoản tiếp nhận viện trợ

Theo thỏa thuận viện trợ hoặc theo yêu cầu quản lý, Bên tiếp nhận viện trợ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại để tiếp nhận các khoản viện trợ bằng tiền.

Điều 14. Lập kế hoạch tài chính đối với khoản viện trợ

Chủ khoản viện trợ căn cứ vào nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ, điều ước, thỏa thuận quốc tế (nếu có), phối hợp với các cơ quan bộ, ngành trung ương, địa phương lập dự toán thu, chi khoản viện trợ; báo cáo Bên tiếp nhận viện trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Quản lý các khoản viện trợ

1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền

a) Thực hiện chi theo kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện kiểm soát chi theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước;

c) Hằng tháng hoặc theo từng lần phát sinh, Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước khoản viện trợ theo mục lục ngân sách nhà nước.

2. Đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa

a) Căn cứ hồ sơ chứng từ liên quan, thực tế giao nhận hàng, Bên quản lý, sử dụng viện trợ lập thủ tục để ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước;

b) Thực hiện kiểm soát chi và ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước;

c) Hồ sơ hải quan và thủ tục hải quan đối với hàng hóa viện trợ nhập khẩu từ nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về hải quan.

Điều 16. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng viện trợ

1. Chính sách thuế, phí và lệ phí đối với hàng viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Thủ tục, hồ sơ xét miễn/hoàn thuế đối với hàng viện trợ được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về hải quan.

Điều 17. Kiểm tra nhà nước, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng viện trợ nhập khẩu

Hàng viện trợ nhập khẩu được miễn kiểm tra nhà nước, kiểm tra chuyên ngành khi nhập khẩu; các loại hàng hóa thuộc danh mục kiểm soát đặc biệt do Bộ trưởng các Bộ theo lĩnh vực quản lý nhà nước được giao quyết định.

Điều 18. Hạch toán, kế toán và quyết toán

1. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức, hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ.

Điều 19. Kiểm toán báo cáo viện trợ

Các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thuộc đối tượng kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Đơn vị sử dụng viện trợ: Báo cáo Chủ khoản viện trợ về tình hình triển khai tiếp nhận, sử dụng viện trợ trong vòng 05 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thực hiện khoản viện trợ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ khoản viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ: Báo cáo Bên tiếp nhận viện trợ về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ trong thời gian tối đa không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đơn vị sử dụng viện trợ.

3. Bên tiếp nhận viện trợ là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông tin, phối hợp với Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực về nội dung tiếp nhận, phân bổ cứu trợ, hỗ trợ trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày tính từ ngày ban hành quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, hỗ trợ.

4. Bên tiếp nhận viện trợ là Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực báo cáo với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc tiếp nhận, phân bổ cứu trợ, hỗ trợ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày tính từ ngày ban hành quyết định.

5. Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình tiếp nhận, thực hiện các khoản viện trợ khi có yêu cầu.

6. Việc thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Điều này được thực hiện trên nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp, bảo đảm kịp thời, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

7. Bên tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm công khai thông tin về tình hình tiếp nhận, phân bổ và sử dụng viện trợ trên cổng thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật, trừ nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Chương III
ĐƯA LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN CỦA VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI THAM GIA HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, HỖ TRỢ NHÂN ĐẠO, CỨU TRỢ THẢM HỌA

Điều 21. Lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

1. Lực lượng thường trực

a) Bộ Quốc phòng: Đội Cứu sập; Đội Khắc phục hậu quả về môi trường; Đội Sử dụng chó nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn; Đội Tàu tìm kiếm cứu nạn trên biển; Trung tâm Cứu nạn tàu ngầm; Bệnh viện dã chiến, đội quân y;

b) Bộ Công an: Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Đội Sử dụng chó nghiệp vụ để tìm kiếm và tham gia cứu nạn, cứu hộ; Đội Y tế sơ cứu khẩn cấp.

2. Lực lượng khác

Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, đưa chuyên gia và lực lượng thuộc quyền tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa quốc tế khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Lực lượng của Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa quốc tế được huấn luyện, bồi dưỡng ngoại ngữ, chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa quốc tế; hằng năm tổ chức tập huấn, diễn tập ít nhất 01 lần.

4. Tiêu chuẩn

Lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa phải bảo đảm phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe làm việc trong môi trường khắc nghiệt; có đội tuổi dưới 45 tuổi (trừ người chỉ huy); trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Trang bị, phương tiện, trang phục

a) Trang bị, phương tiện chuyên dụng, hiện đại, gọn, nhẹ, đồng bộ, đa năng, có khả năng mang vác, cơ động nhanh, phù hợp với từng loại hình thảm họa, yêu cầu trợ giúp của nước sở tại;

b) Trang phục khi làm nhiệm vụ ở nước ngoài thống nhất theo quy định của Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực.

6. Ngân sách bảo đảm hoạt động cho lực lượng của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, ngành trung ương, địa phương; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định việc đưa, rút lực lượng, phương tiện Việt Nam tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

1. Đưa lực lượng, phương tiện Việt Nam tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

Căn cứ quan hệ ngoại giao của Việt Nam và nhu cầu cần trợ giúp của quốc gia xảy ra thảm họa, Bộ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan lập đề xuất đưa lực lượng, phương tiện Việt Nam tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp đề xuất sử dụng lực lượng Quân đội và Công an ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, các bộ, ngành liên quan đề xuất xin ý kiến của Thường trực Ban Bí thư xem xét quyết định;

b) Trường hợp đề xuất sử dụng lực lượng Công an ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

(không có lực lượng, phương tiện của Bộ Quốc phòng): Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương đề xuất xin ý kiến của Thường trực Ban Bí thư xem xét quyết định;

c) Trường hợp đề xuất không sử dụng lực lượng vũ trang ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Bộ, ngành trung ương, địa phương được giao nhiệm vụ chỉ huy báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Rút lực lượng, phương tiện của Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

a) Trường hợp có lực lượng, phương tiện của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Chỉ huy trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề xuất Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định rút lực lượng, phương tiện về nước;

b) Trường hợp có lực lượng, phương tiện của Bộ Công an (không có lực lượng, phương tiện của Bộ Quốc phòng) ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Chỉ huy trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an đề xuất Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định rút lực lượng, phương tiện về nước;

c) Trường hợp không có lực lượng vũ trang ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa: Chỉ huy trưởng báo cáo người đứng đầu bộ, ngành trung ương, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định rút lực lượng, phương tiện về nước.

3. Hồ sơ đề xuất đưa lực lượng, phương tiện ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa gồm:

a) Tờ trình đề nghị đưa lực lượng, phương tiện Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa (trong đó có những nội dung chủ yếu sau: Sự cần thiết; dự kiến thời gian, địa điểm; thành phần, lực lượng, phương tiện);

b) Tài liệu có liên quan khác.

4. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày có chủ trương của cấp có thẩm quyền, kịp thời thông báo đến các bộ, ngành trung ương, địa phương có liên quan về việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa gồm nội dung chủ yếu sau:

a) Thời gian bắt đầu, dự kiến thời gian kết thúc;

b) Địa điểm tham gia hoạt động;

c) Danh sách, thành phần đoàn, gồm: Chỉ huy trưởng, các Phó Chỉ huy trưởng và thành viên đoàn;

d) Danh mục trang bị, phương tiện kỹ thuật, vật tư, nhu yếu phẩm.

Điều 23. Chỉ đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

1. Lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa được tổ chức thống nhất dưới sự chỉ huy của Chỉ huy trưởng.

2. Nguyên tắc xác định người Chỉ huy lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa:

a) Khi có lực lượng của Bộ Quốc phòng và các lực lượng khác cùng tham gia thì Bộ Quốc phòng chỉ định Chỉ huy trưởng;

b) Khi có lực lượng của Bộ Công an và các lực lượng khác cùng tham gia nhưng không có lực lượng của Bộ Quốc phòng thì Bộ Công an chỉ định Chỉ huy trưởng;

c) Trường hợp không có lực lượng vũ trang tham gia thì bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì chỉ định Chỉ huy trưởng.

3. Khi có lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm bảo đảm vật tư, nhu yếu phẩm, hậu cần cho các lực lượng của Việt Nam; Văn phòng Tùy viên quốc phòng Việt Nam thường trú hoặc kiêm nhiệm tại nước xảy ra thảm họa cử lực lượng tham gia hỗ trợ và chịu sự chỉ huy, điều hành của Chỉ huy trưởng, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng thuộc Quân đội nước sở tại, tham gia bảo đảm vật tư, nhu yếu phẩm, hậu cần theo sự phân công của Chỉ huy trưởng. Trường hợp không có lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng tham gia, bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì chỉ định cơ quan, tổ chức thuộc quyền có trách nhiệm bảo đảm vật tư, nhu yếu phẩm, hậu cần cho các lực lượng của Việt Nam.

4. Chỉ huy trưởng có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, người đứng đầu bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì về mọi mặt hoạt động của Đoàn Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa;

b) Chỉ huy, quản lý, điều hành thống nhất lực lượng, phương tiện của Việt

Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa;

c) Kịp thời báo cáo, đề xuất phương án xử lý các tình huống phức tạp, nhạy cảm và rút lực lượng, phương tiện của Việt Nam về nước trong trường hợp khẩn cấp;

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của lực lượng, phương tiện Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, gửi về Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và cơ quan có liên quan khác.

Điều 24. Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa

Sau mỗi đợt tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại nước ngoài, bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì có trách nhiệm tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và khen thưởng theo quy định pháp luật; tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ chủ trì hội nghị tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và khen thưởng theo quy định pháp luật.

Điều 25. Phát ngôn và cung cấp thông tin, truyền thông về hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa của Việt Nam ở nước ngoài

1. Khi có chủ trương đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài để thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì thực hiện thông báo chính thức về chủ trương trên cơ sở quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Trong quá trình triển khai hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa của Việt Nam ở nước ngoài, việc phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và truyền thông do bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì chỉ đạo Chỉ huy trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại nhạy cảm, thông tin thiệt hại về người hoặc các tình huống phát sinh nghiêm trọng phải được trao đổi, thống nhất với Bộ Ngoại giao và cơ quan có thẩm quyền trước khi phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho cơ quan chủ trì; không tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông trái thẩm quyền hoặc làm ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại và lợi ích quốc gia.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tiếp nhận các khoản viện trợ liên quan đến quốc phòng.

2. Cấp phép cho tàu, thuyền, tàu bay quân sự, tàu bay không người lái nước ngoài vận chuyển hàng viện trợ vào Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan quản lý, kiểm soát nhân sự trên tàu, thuyền, tàu bay quân sự nước ngoài vận chuyển hàng viện trợ vào Việt Nam.

4. Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại và tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập cho các lực lượng thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp kiểm tra các khoản viện trợ có yếu tố an ninh, bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an khi có yêu cầu.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý, sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục tình trạng khẩn cấp theo quy định pháp luật.

3. Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại và tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập cho các lực lượng thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong thời gian nhanh nhất đối với các mặt hàng viện trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến đối với việc tiếp nhận các khoản viện trợ theo quy định.

3. Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại và tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập cho các lực lượng thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì tham mưu với Thủ tướng Chính phủ đề nghị các nước, tổ chức quốc tế hỗ trợ lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Chỉ đạo các cơ quan ngoại giao ở nước ngoài cung cấp thông tin, nhu cầu hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa ở nước sở tại, kịp thời báo cáo về Việt Nam; hỗ trợ ngoại giao, trợ giúp lực lượng, phương tiện của Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế song phương, đa phương về ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan thực hiện các thủ tục ngoại giao cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Chỉ đạo các cơ quan, doanh nghiệp thuộc quyền hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài và lực lượng, phương tiện của nước ngoài vào Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu, hướng dẫn và tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ trong tiếp nhận, quản lý, điều phối nguồn lực cứu trợ quốc tế; ban hành, kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin; đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng phó, khắc phục hậu quả, cứu trợ thảm họa.

2. Hướng dẫn bảo đảm tiêu chuẩn, an toàn đối với trang thiết bị; ứng dụng khoa học, công nghệ trong chỉ huy, điều hành và triển khai lực lượng; tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật phục vụ hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu phục vụ cứu trợ ra nước ngoài; hướng dẫn, điều tiết lưu thông, phân phối hàng hóa; phối hợp kiểm tra chất lượng, xuất xứ hàng hóa; hỗ trợ thủ tục về nhập khẩu để tiếp nhận nhanh chóng nguồn lực cứu trợ.

2. Phối hợp với Bộ có lực lượng, phương tiện ra nước ngoài tham gia hoạt

động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa để bảo đảm hậu cần thương mại, cung ứng vật tư, hàng hóa, nhiên liệu.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn, hỗ trợ về thủ tục, để hàng hóa viện trợ được thông quan nhanh chóng.

2. Kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan Chủ khoản viện trợ, Đơn vị sử dụng viện trợ.

3. Tham gia ý kiến đối với việc tiếp nhận các khoản viện trợ theo quy định.

4. Quản lý tài chính nhà nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Điều 34. Trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, địa bàn được giao, tiếp nhận, quản lý, điều phối và sử dụng hiệu quả nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận, phân bổ, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mức, đúng đối tượng; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện phương án huy động lực lượng, phương tiện của Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

4. Phối hợp bảo đảm các điều kiện cần thiết về hậu cần, kỹ thuật, tài chính, an ninh, an toàn, các điều kiện khác cho lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn được giao.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

6. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phân bổ khoản viện trợ để kịp thời hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại địa phương.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2026.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phan Văn Giang

Phụ lục I

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP

(Kèm theo Quyết định số 27/2026/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TÊN KHOẢN VIỆN TRỢ

II. BÊN VIỆN TRỢ

III. CƠ QUAN CHỦ QUẢN

IV. CHỦ KHOẢN VIỆN TRỢ

Tên và địa chỉ liên lạc của Cơ quan chủ quản.

V. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆN TRỢ

1. Bối cảnh thực hiện viện trợ.

2. Sự cần thiết của khoản viện trợ.

VI. NỘI DUNG KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Mục tiêu của khoản viện trợ.

2. Tổng giá trị khoản viện trợ (nguyên tệ và đổi ra đô la Mỹ).

3. Phương án phân bổ.

Nêu chi tiết số lượng, phân bổ theo địa chỉ tiếp nhận và giá trị phân bổ.

4. Địa điểm tiếp nhận viện trợ.

5. Thời gian thực hiện tiếp nhận viện trợ.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai tiếp nhận viện trợ khẩn cấp (bố trí kinh phí, phương tiện, trang thiết bị,...).

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu cụ thể các nguồn kinh phí, trách nhiệm bố trí kinh phí tiếp nhận viện trợ khẩn cấp cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá.

IX. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Phụ lục II

MẪU VĂN KIỆN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ, HỖ TRỢ THẢM HỌA TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 27/2026/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Tên khoản viện trợ.

2. Bên viện trợ.

3. Tên và địa chỉ liên lạc của Cơ quan chủ quản và Chủ khoản viện trợ.

4. Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ.

5. Địa điểm thực hiện.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý.

2. Bối cảnh và sự cần thiết tiếp nhận viện trợ.

III. MỤC TIÊU TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khoản viện trợ.

IV. MÔ TẢ NỘI DUNG VIỆN TRỢ

Nêu rõ các nội dung viện trợ, hình thức viện trợ, phương pháp tiếp nhận viện trợ, phương án phân bổ viện trợ, cơ chế phối hợp giữa các bên trong tiếp nhận viện trợ.

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ khoản viện trợ.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Kế hoạch chi tiết việc thực hiện khoản viện trợ.

2. Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện khoản viện trợ.

3. Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện viện trợ.

VII. TỔNG VỐN VIỆN TRỢ

Tổng vốn viện trợ không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ), trong đó:

- Hiện vật: Tương đương:… (VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ).
- Tiền mặt:… (VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ).

VIII. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC CỦA BÊN TÀI TRỢ (nếu có)

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KHOẢN VIỆN TRỢ

Hiệu quả kinh tế - tài chính và hiệu quả xã hội; đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sau khi kết thúc khoản viện trợ.